



The Asian High School

LIST OF EXCELLENT STUDENTS - THE SECOND SEMESTER CONG HOA CAMPUS School year: 2019-2020

NO.	STUDENT'S NAME	CLASS	AVERAGE	CERTIFIED
1	Nguyen Trong Thien An	Starter 1	9.5	A
2	Do Dong Hung	Starter 1	9.6	A
3	Nguyen Dang Khoa	Starter 1	9.3	A
4	Denk Thien Kim Laura	Starter 1	9.4	A
5	Pham Duc Minh	Starter 1	9.4	A
6	Pham Doan Nhu Ngoc	Starter 1	9.1	A
7	Nguyen Quynh Khanh Ngoc	Starter 1	9.3	A
8	Dang Uyen Thu	Starter 1	9.3	A
9	Nguyen Hoang Thuc Anh	Starter 2	9.4	A
10	Nguyen Ngoc Gia Han	Starter 2	9.3	A
11	Do Nhu Ngoc Han	Starter 2	9.4	A
12	Nguyen Bao Khanh	Starter 2	9.6	A
13	Bui Ha Phuong	Starter 2	9.2	A
14	Nguyen Tuan Khoi	Starter 3	9.3	A
15	Le Khang Nguyen	Starter 3	9.0	A
16	Nguyen Dai Phat	Starter 3	9.3	A
17	Dang Manh Phi	Starter 3	9.6	A
18	Ji You Bin	Starter 4	9.6	A
19	Vo Pham Ngoc Han	Starter 4	9.2	A
20	Huynh Vinh Phu Khang	Starter 4	9.3	A
21	Nguyen Quy Nhat	Starter 4	9.0	A
22	Nguyen Phuc Minh Quan	Starter 4	9.8	A
23	Cao Duc Huy	Starter 5	9.0	A
24	Huynh My	Starter 5	9.1	A
25	Le Thuy Phuong	Starter 5	9.4	A
26	Do Ngoc Minh Quan	Starter 5	9.4	A
27	Bui Hoang Nha Quyen	Starter 5	9.4	A
28	Roh Han Vi	Starter 5	9.7	A
29	Tran Nguyen Nhu Y	Starter 5	9.3	A
30	Vo Tuan Kiet	Starter 6	9.6	A
31	Tran Bui Tra My	Starter 6	9.2	A
32	Vo Luong Nguyen Hung	Starter 6	9.5	A

NO.	STUDENT'S NAME	CLASS	AVERAGE	CERTIFIED
33	Tran Thao Phuong	Starter 6	9.5	A
34	Nguyen Mai Yen Truc	Starter 6	9.0	A
35	Nguyen Khanh Vinh	Starter 6	9.2	A
36	Tran Nguyen Minh Anh	Starter 7	9.5	A
37	Tran Phat Cuong	Starter 7	9.0	A
38	Huynh Vu Nam Khang	Starter 7	9.2	A
39	Le Minh Long	Starter 7	9.1	A
40	Pham Minh Phuong	Starter 7	9.7	A
41	Nguyen Bao Tran	Starter 7	9.0	A
42	Nguyen Ngoc Minh Anh	Starter 8	9.6	A
43	Tran Phuong Anh	Starter 8	9.3	A
44	Duong Thuy An	Starter 8	9.7	A
45	Nguyen Ngoc Thao Han	Starter 8	9.4	A
46	Nguyen Bao Han	Starter 8	9.7	A
47	Vo Nguyen Khang	Starter 8	9.4	A
48	Vo Viet My	Starter 8	9.5	A
49	Nguyen Tran Bao Ngoc	Starter 8	9.4	A
50	Tran Minh Quang	Starter 8	9.2	A
51	Phan Hoang Thanh Tuyen	Starter 8	9.3	A
52	Mai Nguyen Anh Thu	Starter 8	9.0	A
53	Tran Thuan Tri	Starter 8	9.1	A
54	Nguyen Le Hong Diep	Starter 9	9.4	A
55	Nguyen My Thien Huong	Starter 9	9.5	A
56	Le Mai Lea	Starter 9	9.3	A
57	Nguyen Thi Xuan Mai	Starter 9	9.7	A
58	Phan Hoang Khanh Dan	Starter 10	9.4	A
59	Duong Nguyen Nhat Dang	Starter 10	9.4	A
60	Mai Chan Nam	Starter 10	9.1	A
61	Nguyen Uyen Thu	Starter 10	9.4	A
62	Nguyen Thuy Phuong Vy	Starter 10	9.5	A
63	Huynh Lac Han	Starter 11	9.6	A
64	Giang Khanh Linh	Starter 11	9.4	A
65	Nguyen Tran Trieu Loc	Starter 11	9.3	A
66	Quan Thanh Thao Nguyen	Starter 11	9.0	A
67	Trinh Uyen Phuong	Starter 11	9.2	A
68	Nguyen Hoang Thien Bao	Starter 12	9.0	A
69	Nguyen Ngoc Thinh Dat	Starter 12	9.4	A
70	Kirisits Michael John	Starter 12	9.9	A
71	Ngo Ha Kieu Ngan	Starter 12	9.7	A

NO.	STUDENT'S NAME	CLASS	AVERAGE	CERTIFIED
72	Cao Ngoc Uyen Nhi	Starter 12	9.5	A
73	Phan Tu Uyen	Starter 12	9.0	A
74	Ho Phan Minh Quan	Starter 13	9.4	A
75	Vo Minh Hieu Thao	Starter 13	9.0	A
76	Le Gia Han	Starter 14	9.0	A
77	Pham Nhat Quang	Starter 14	9.3	A
78	Vu Minh Hoang	Starter 15	9.7	A
79	Vo Hoang Bao Nghi	Starter 15	9.1	A
80	Vo Lam Phuong Nhi	Starter 15	9.1	A
81	Pham - Wagner Antoine - Ni	Starter 15	9.0	A
82	Pham Vu Bao Tran	Starter 15	9.2	A
83	Pham Quoc Khai	Starter 16	9.6	A
84	Le Hoang Nhat Phuong	Starter 16	9.6	A
85	Nguyen Anh Quan	Starter 16	9.8	A
86	Le My Quyen	Starter 16	9.1	A
87	Tran Huynh Gia Thinh	Starter 16	9.3	A
88	Pham Huu Thang	Starter 17	9.3	A
89	Lien Anh Kiet	Elementary 1	9.1	A
90	Ho Diem Nghi	Elementary 1	9.1	A
91	Tran Thuy Anh	Elementary 2	9.7	A
92	Phan Minh Quoc Bao	Elementary 2	9.4	A
93	Nguyen Ha Dong Giao	Elementary 2	9.5	A
94	Nguyen Phan Yen Nhi	Elementary 2	9.7	A
95	Ngo Nhat Quang	Elementary 2	9.4	A
96	Nguyen Thu Trang	Elementary 2	9.3	A
97	Pham Anh	Elementary 3	9.3	A
98	Nguyen Khang	Elementary 3	9.0	A
99	Nguyen Si Nguyen Khang	Elementary 3	9.2	A
100	Vo Pham Quynh Nhu	Elementary 3	9.5	A
101	Phan Ky Khanh Tran	Elementary 3	9.0	A
102	Nguyen Ha Kha Han	Elementary 4	9.0	A
103	Nguyen Quynh Anh	Elementary 5	9.2	A
104	Le Phan Gia Bao	Elementary 5	9.6	A
105	Vu Quynh Huong	Elementary 5	9.7	A
106	Nguyen Do Thao Nguyen	Elementary 5	9.3	A
107	Le Minh Nhat	Elementary 5	9.0	A
108	Nguyen Trinh Hong Phuc	Elementary 5	9.0	A
109	Nguyen Trinh Thanh Phuc	Elementary 5	9.1	A
110	Tran Tran Trinh	Elementary 5	9.8	A

NO.	STUDENT'S NAME	CLASS	AVERAGE	CERTIFIED
111	Le Phuong Anh	Elementary 6	9.2	A
112	Nguyen Cao Thien An	Elementary 6	9.6	A
113	Nguyen Ngoc Thien Thu	Elementary 6	9.1	A
114	Pham Thi Hoai Thuong	Elementary 6	9.0	A
115	Do Minh Tri	Elementary 6	9.7	A
116	Nguyen Duy Anh	Elementary 7	9.1	A
117	Ho Hoang Anh	Elementary 7	9.5	A
118	Nguyen Bao Duy	Elementary 7	9.3	A
119	Pham Gia Hoang	Elementary 7	9.3	A
120	Nguyen Dang Khoa	Elementary 7	9.4	A
121	Nguyen Tran Ngoc Anh	Elementary 8	9.1	A
122	Luu Hoang Anh	Elementary 8	9.2	A
123	Tran Ho Anh Linh	Elementary 8	9.2	A
124	Do Bich Thuan	Elementary 8	9.4	A
125	Vo Phuong Uyen	Elementary 8	9.4	A
126	Ngo Thuy Vi	Elementary 8	9.0	A
127	Pham Huu Vinh	Elementary 8	9.3	A
128	Le Hai Anh	Elementary 9	9.3	A
129	Do Khoi Anh	Elementary 9	9.5	A
130	Nguyen Ba Bao Han	Elementary 9	9.5	A
131	Nguyen Hoang Bao Han	Elementary 9	9.5	A
132	Nguyen Quang Hy	Elementary 9	9.5	A
133	Ha Tieu Linh	Elementary 9	9.2	A
134	Sun Luu Nguyen Phuong Uyen	Elementary 9	9.0	A
135	Quach Dinh Kha	Elementary 10	9.8	A
136	Le Ha My	Elementary 10	9.0	A
137	Nguyen Hoang Bao Nhi	Elementary 10	9.3	A
138	To Nghiem Hoang Quan	Elementary 10	9.6	A
139	Tram Que San	Elementary 10	9.2	A
140	Nguyen Ngoc Tram	Elementary 10	9.4	A
141	Nguyen Thanh Binh	Elementary 11	9.1	A
142	Nguyen Thanh Khang Hoi	Elementary 11	9.0	A
143	Doan Nam Kha Insysa	Elementary 11	9.2	A
144	Hoang Kim Ngan	Elementary 11	9.7	A
145	Quach Ngoc Nhi	Elementary 11	9.0	A
146	Vo Le Khanh Quynh	Elementary 11	9.2	A
147	Nguyen Ngoc Bich	Elementary 12	9.5	A
148	Tran Gia Hao	Elementary 12	9.4	A
149	Dang Huynh Bich Ngoc	Elementary 12	9.0	A

NO.	STUDENT'S NAME	CLASS	AVERAGE	CERTIFIED
150	Tran Mai Quynh Nhu	Elementary 12	9.3	A
151	Nguyen Mai Trang	Elementary 12	9.1	A
152	Le Tong Khanh Linh	Elementary 13	9.0	A
153	Phan Nguyen Phuoc Ngoc Thao	Elementary 13	9.0	A
154	Nguyen Thy Khue	Elementary 14	9.0	A
155	Cao Chi Minh	Elementary 15	9.0	A
156	Phuong Hieu An	Elementary 16	9.2	A
157	Dang Thuy Bao Chau	Elementary 17	9.1	A
158	Doan Ngoc Truc Giang	Pre-Intermediate 1	9.5	A
159	Doan Khanh Gia Han	Pre-Intermediate 1	9.1	A
160	Le Thanh Long	Pre-Intermediate 1	9.3	A
161	Tran Thanh Son	Pre-Intermediate 1	9.6	A
162	Nguyen Ngoc Thinh Thanh	Pre-Intermediate 1	9.4	A
163	Phan Trong Tue	Pre-Intermediate 1	9.4	A
164	Bui Minh Phuong Anh	Pre-Intermediate 2	9.5	A
165	Le Son Nam	Pre-Intermediate 2	9.5	A
166	Le Thuy Minh Ngoc	Pre-Intermediate 2	9.7	A
167	Nguyen Anh Tuan	Pre-Intermediate 2	9.5	A
168	Nguyen Dinh Phu Hai	Pre-Intermediate 3	9.3	A
169	Nguyen Hanh Trang	Pre-Intermediate 3	9.0	A
170	Chau Nguyen Nguyen An	Pre-Intermediate 4	9.4	A
171	To Que Anh	Pre-Intermediate 4	9.3	A
172	Pham Van Dung	Pre-Intermediate 4	9.2	A
173	Do Nhu Ngoc Huyen	Pre-Intermediate 4	9.1	A
174	Nguyen Hai Thuy	Pre-Intermediate 4	9.2	A
175	Ngo Ha Quynh Tram	Pre-Intermediate 4	9.2	A
176	Le Thai Bao Gia	Pre-Intermediate 5	9.0	A
177	Nguyen Gia Han	Pre-Intermediate 5	9.5	A
178	Bui Dang Khanh Nhien	Pre-Intermediate 5	9.3	A
179	Dang Phi Phung	Pre-Intermediate 5	9.5	A
180	Ngo My Phuong	Pre-Intermediate 5	9.2	A
181	Nguyen Tong Hoang Vy	Pre-Intermediate 5	9.0	A
182	Nguyen Viet Vy Anh	Pre-Intermediate 6	9.2	A
183	Tran Phuong Thuy	Pre-Intermediate 6	9.8	A
184	Nguyen Ngoc Anh Thu	Pre-Intermediate 6	9.6	A
185	Tran Cat Nguyen	Pre-Intermediate 7	9.4	A
186	Le Hong Nhien	Pre-Intermediate 7	9.1	A
187	Tran Thuy Tien	Pre-Intermediate 7	9.7	A
188	Truong Gia Khanh	Pre-Intermediate 8	9.3	A

NO.	STUDENT'S NAME	CLASS	AVERAGE	CERTIFIED
189	Nguyen Phuoc Hanh	Pre-Intermediate 9	9.4	A
190	Nguyen Mai Kha	Pre-Intermediate 9	9.1	A
191	Vu Le Khanh Ngoc	Pre-Intermediate 9	9.4	A
192	Nguyen Ngoc Dan Thu	Pre-Intermediate 9	9.0	A
193	Thien - Kim Ngoc Tran	Pre-Intermediate 9	9.1	A
194	Nguyen Tang Nhat Anh	Pre-Intermediate 10	9.2	A
195	Pham Quoc Bao	Pre-Intermediate 10	9.2	A
196	Ton Chau Bao Han	Pre-Intermediate 10	9.6	A
197	Ngo Phuong Ngan	Pre-Intermediate 10	9.4	A
198	Bui Khanh Ngoc	Pre-Intermediate 10	9.6	A
199	Nguyen Ngoc Nghia	Pre-Intermediate 11	9.3	A
200	Nguyen Thai Duy	Intermediate 1	9.1	A
201	Nguyen Tuong Minh	Intermediate 1	9.7	A
202	Huynh Thien Y	Intermediate 2	9.0	A
203	Nguyen Nu Bao Chau	Intermediate 3	9.0	A
204	Truong Thien Kim	Intermediate 3	9.4	A
205	Pham Phuc Nghi	Intermediate 3	9.1	A
206	Duong Thien Nhi	Intermediate 3	9.3	A
207	Phan Tien Minh Thuy	Intermediate 3	9.3	A
208	Le Thanh Hang	Intermediate 5	9.1	A
209	Nguyen Thuong Chau Nghi	Intermediate 5	9.2	A
210	Le Truong Giang	Intermediate 8	9.4	A
211	Tran Thai Nguyen	Intermediate 8	9.4	A
212	Le Pham Khanh Linh	Intermediate 9	9.4	A
213	Songsiri Hoang Anh	Intermediate 10	9.0	A
214	Nguyen Thi An Hoa	Intermediate 10	9.0	A
215	Tran Thi Thao Minh	Intermediate 10	9.1	A
216	Tran Ho Huu Kien	Intermediate 11	9.1	A
217	Le Doan Khanh Giao	Intermediate 13	9.1	A
218	Le Minh Thu	Intermediate 13	9.2	A
219	Dinh Hoang Dung	Upper-Intermediate 1	9.4	A
220	Nguyen Phuc Dang Huy	Upper-Intermediate 1	9.2	A
221	Doan Minh Khoi	Upper-Intermediate 1	9.0	A
222	Phan Quang Minh	Upper-Intermediate 1	9.1	A
223	Pham Ngoc Khanh Nhu	Upper-Intermediate 1	9.4	A
224	Nguyen Vo Uyen Thi	Upper-Intermediate 1	9.6	A
225	Pham Nhat Tuyet	Upper-Intermediate 1	9.1	A
226	Le Thanh Hoang	Upper-Intermediate 2	9.5	A
227	Nguyen Ky Nguyen	Upper-Intermediate 2	9.3	A

NO.	STUDENT'S NAME	CLASS	AVERAGE	CERTIFIED
228	Luu Gia Bao	Upper-Intermediate 3	9.4	A
229	Nguyen Minh Bao Ngoc	Upper-Intermediate 3	9.3	A
230	Ngo Nguyen Minh Phuong	Upper-Intermediate 3	9.1	A
231	Pham Tran Minh Quan	Upper-Intermediate 3	9.4	A
232	Pham Khanh Uyen	Upper-Intermediate 3	9.0	A
233	Nguyen Huynh Duy Anh	Upper-Intermediate 4	9.4	A
234	Nguyen Minh Duc	Upper-Intermediate 4	9.1	A
235	Phan Hoang Thanh Truc	Upper-Intermediate 4	9.1	A
236	Tran Thao Ngoc	Upper-Intermediate 5	9.0	A
237	Pham Le Uyen	Upper-Intermediate 5	9.0	A
238	Pham Thi Dieu Vy	Upper-Intermediate 5	9.1	A
239	Le Nguyen Huong Giang	Upper-Intermediate 6	9.4	A
240	Nguyen Xuan Mi	Upper-Intermediate 6	9.1	A
241	Phan Thi Anh Tam	Upper-Intermediate 6	9.1	A
242	Nguyen Park Thuy Van	Upper-Intermediate 6	9.0	A
243	Pham Ho Nam Phuong	Upper-Intermediate 7	9.3	A
244	Dang Nguyen Thuy An	Upper-Intermediate 8	9.3	A
245	Le Hong Hien	Upper-Intermediate 8	9.3	A
246	Truong Vu Hoang Nhi	Upper-Intermediate 8	9.3	A
247	Tran Doan Minh Thuy	Upper-Intermediate 8	9.4	A
248	Roh Han Nam	Upper-Intermediate 9	9.1	A
249	Pham Ngoc Thinh	Upper-Intermediate 9	9.1	A
250	Duong Nguyen Hoang Dang	Toefl Beginner1	9.1	A
251	Ha Ngo Chi Thinh	Toefl Beginner1	9.4	A
252	Tran Ngoc Van Anh	Toefl Beginner2	9.1	A
253	Pham Nguyen Khanh Linh	Toefl Beginner2	9.2	A
254	Nguyen Vu Thanh An	Toefl Beginner3	9.6	A
255	Nguyen Quang Canh	Toefl Beginner3	9.5	A
256	Mai Nguyen Anh Linh	Toefl Beginner4	9.2	A
257	Le Tran Trong Phuoc	Toefl Beginner4	9.1	A
258	Tang Thu Nha	Toefl Beginner5	9.0	A
259	Luu Gia An	Toefl Beginner6	9.5	A
260	Huynh Thanh Mai	Toefl Beginner6	9.1	A
261	Tran Huynh Quang	Toefl Beginner6	9.2	A
262	Chu My Anh	Toefl Beginner7	9.0	A
263	Nguyen Khanh Tuong Ngan	Toefl Beginner7	9.1	A
264	Banh Le Diem Quynh	Toefl Beginner7	9.0	A

Hochiminh City, July 10, 2020

NO.	STUDENT'S NAME	CLASS	AVERAGE	CERTIFIED
-----	----------------	-------	---------	-----------

Principal

EIP. Manager

IP. Manager

Nguyen Le Thanh Truc

Nguyen Thi Hong Dung

Do Thi Loan